

CÔNG TY
CỔ PHẦN
VĂN HÓA
TÂN
BÌNH

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN VĂN HÓA
TÂN BÌNH
DN: C=VN, L=TPHCM, CN
=CÔNG TY CỔ PHẦN
VĂN HÓA TÂN BÌNH,
OID.0.9.2342.19200300.10
0.1.1=MST:0301420079
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2025.08.28 14:57:34
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
12.1.3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12-42

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 08 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông La Thế Nhân	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó chủ tịch
Ông Hoàng Văn Điều	Thành viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên
Ông Đoàn Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Thuận	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
-----------------------	-------------------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Danh	Trưởng ban
Bà Thái Thị Phương	Thành viên
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là Ông Hoàng Minh Anh Tú – Tổng Giám đốc điều hành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Số: 280825.007/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 28 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		204.079.607.515	227.274.462.809
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16.430.513.320	14.026.780.968
111	1. Tiền		14.430.513.320	12.026.780.968
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	2.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	58.929.753.836	58.287.291.464
121	1. Chứng khoán kinh doanh		725.549.276	725.549.276
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(88.967.776)	(81.014.775)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		58.293.172.336	57.642.756.963
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		80.660.113.278	99.522.986.806
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	63.056.707.173	84.794.313.581
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	17.183.651.464	14.714.654.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	641.050.986	235.315.570
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(221.296.345)	(221.296.345)
140	IV. Hàng tồn kho	9	46.023.949.731	52.838.780.692
141	1. Hàng tồn kho		46.023.949.731	52.838.780.692
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.035.277.350	2.598.622.879
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1.293.371.196	1.529.616.251
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		624.303.960	912.122.650
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	117.602.194	156.883.978
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		145.751.513.238	130.903.128.962
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.022.525.719	427.860.479
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.022.525.719	427.860.479
220	II. Tài sản cố định		70.356.761.734	65.249.319.295
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	57.540.460.457	61.421.614.544
222	- Nguyên giá		227.883.126.834	224.084.100.248
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(170.342.666.377)	(162.662.485.704)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	9.230.821.934	129.420.200
225	- Nguyên giá		10.639.316.000	1.109.316.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.408.494.066)	(979.895.800)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	3.585.479.343	3.698.284.551
228	- Nguyên giá		7.324.530.397	7.324.530.397
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.739.051.054)	(3.626.245.846)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	14	30.120.623.042	30.483.293.954
231	- Nguyên giá		57.552.819.888	57.552.819.888
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.432.196.846)	(27.069.525.934)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	2.169.918.677	2.134.981.677
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.169.918.677	2.134.981.677
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	23.497.819.910	22.852.121.455
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		22.968.918.533	22.323.220.078
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		159.699.200	159.699.200
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		369.202.177	369.202.177
260	VI. Tài sản dài hạn khác		18.583.864.156	9.755.552.102
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	18.482.435.584	9.633.837.816
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	33.a	101.428.572	121.714.286
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		349.831.120.753	358.177.591.771

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		132.845.174.218	143.294.876.006
310	I. Nợ ngắn hạn		124.794.135.666	139.918.144.393
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	52.231.254.280	60.393.009.818
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	3.960.271.366	3.732.129.839
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	720.550.433	2.188.095.226
314	4. Phải trả người lao động		8.778.872.955	10.957.453.048
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	19	16.470.242.600	30.226.279.981
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	41.932.575.257	31.720.807.706
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		700.368.775	700.368.775
330	II. Nợ dài hạn		8.051.038.552	3.376.731.613
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	17	-	239.171.074
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	-	158.000.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	5.479.750.000	326.120.000
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.b	2.571.288.552	2.653.440.539
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		216.985.946.535	214.882.715.765
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	216.985.946.535	214.882.715.765
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61.725.230.000	61.725.230.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		61.725.230.000	61.725.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137.662.054.443	137.662.054.443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2.243.857.861	2.243.857.861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.880.440.791	22.777.210.021
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		22.777.210.021	19.612.527.561
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		2.103.230.770	3.164.682.460
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		349.831.120.753	358.177.591.771

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	196.297.839.316	197.446.967.915
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	51.336.875	182.555.313
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		196.246.502.441	197.264.412.602
11	4. Giá vốn hàng bán	25	169.263.385.859	178.654.953.844
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.983.116.582	18.609.458.758
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	1.719.747.494	3.954.802.030
22	7. Chi phí tài chính	27	1.784.493.689	1.702.040.984
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.114.248.887	1.158.197.674
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		645.698.455	(39.200.264)
25	9. Chi phí bán hàng	28	11.138.705.407	8.783.054.395
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	13.691.952.171	13.264.036.164
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.733.411.264	(1.224.071.019)
31	12. Thu nhập khác	30	45.157.272	136.347.914
32	13. Chi phí khác	31	434.441.431	51.776.837
40	14. Lợi nhuận khác		(389.284.159)	84.571.077
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.344.127.105	(1.139.499.942)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	302.762.608	(247.808.470)
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.c	(61.866.273)	1.180.111.932
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.103.230.770	(2.071.803.404)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		2.103.230.770	(2.071.803.404)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34		(361)

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.344.127.105	(1.139.499.942)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.140.032.833	8.395.480.919
03	- Các khoản dự phòng		7.953.001	33.559.400
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.852.968	13.616.150
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.333.092.142)	(3.333.933.507)
06	- Chi phí lãi vay		1.114.248.887	1.158.197.674
07	- Các khoản điều chỉnh khác		71.240.650	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.347.363.302	5.127.420.694
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		18.518.313.120	(32.754.926.693)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.814.830.961	(7.794.599.246)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)		(25.386.370.827)	26.885.347.241
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(8.612.352.713)	5.796.464.871
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	(109.500.000)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.114.248.887)	(1.158.197.674)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(646.437.109)	(1.014.130.355)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		921.097.847	(5.022.121.162)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.461.963.586)	(5.149.584.877)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		41.691.920	2.152.240.481
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(650.415.373)	(21.042.506.279)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	33.033.325.438
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.717.923.993	2.828.446.694
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.352.763.046)	11.821.921.457

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		62.266.836.615	54.063.556.420
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(53.707.152.904)	(49.692.048.714)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(2.724.286.160)	(88.745.280)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.835.397.551	4.282.762.426
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.403.732.352	11.082.562.721
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		14.026.780.968	6.735.071.552
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	16.430.513.320	17.817.634.273



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025***I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 08 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.320.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 61.725.230.000 VND; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 369 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 404 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hòa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất phần mềm, phát triển sản phẩm công nghệ thông tin;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ;
- Kinh doanh cho thuê mặt bằng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ kho vận.
- Dịch vụ văn hóa giải trí.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Công nghệ thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÒA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Cấu trúc Tập đoàn (tiếp theo)

Công ty có 01 công ty liên kết được kê toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2025:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	37,60%	37,60%	Lĩnh vực in ấn

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kê toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kê toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kê toán áp dụng*Chế độ kê toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kê toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kê toán và Chế độ kê toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kê toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kê toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kê toán nhất quán với các chính sách kê toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kê toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân giá quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 30 năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÒA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thanh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 đến 36 tháng.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.27 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.29 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.992.167.350	734.417.962
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.438.345.970	11.292.363.006
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	2.000.000.000
	16.430.513.320	14.026.780.968

Tại ngày 30/06/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng, có giá trị 2.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu với lãi suất 4,5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	58.293.172.336	-	57.642.756.963	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	58.293.172.336	-	57.642.756.963	-
Đầu tư dài hạn	369.202.177	-	369.202.177	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (**)	369.202.177	-	369.202.177	-
	58.662.374.513	-	58.011.959.140	-

(*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng với giá trị 58.293.172.336 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8%/năm đến 6,1%/năm.

(**) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,1%/năm đến 4,3%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tân Bình với số tiền 369.202.177 VND được dùng để làm tài sản đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tân Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (mã CK: AGG)	90.540.000	61.343.750	(29.196.250)	90.540.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Idico (Mã CK: IDC)	394.400.000	374.753.474	(19.646.526)	394.400.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vincom Retail (Mã CK: VRE)	117.500.000	124.000.000	-	117.500.000
Cổ phiếu CTCP Đông Hải Bến Tre (Mã CK: DHC)	109.500.000	69.375.000	(40.125.000)	109.500.000
Cổ phiếu khác	13.609.276	16.262.750	-	13.609.276
	725.549.276	645.734.974	(88.967.776)	725.549.276
				250.134.501
				(81.014.775)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX, HOSE tại ngày 31/12/2024 và 30/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết**

Tại ngày 30/06/2025, tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc là 37,6%. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025 lần lượt là 22.323.220,078 VND và 22.968.918,533 VND.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 39.

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - DPP (11.052 cổ phiếu) (1)	159.699.200	226.566.000	-	159.699.200
- Công ty Cổ phần Giấy Lạ Hoa (5.450 cổ phiếu) (2)	100.199.200	226.566.000	-	100.199.200
	59.500.000	-	-	59.500.000
	<u>159.699.200</u>	<u>226.566.000</u>	<u>-</u>	<u>159.699.200</u>
				<u>226.566.000</u>

(1) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 31/12/2024 và 30/06/2025.

(2) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty Cổ phần thương mại Bách Hóa Xanh	7.590.256.983	-	7.703.789.904	-
- Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	1.059.917.962	-	965.442.294	-
- Công ty TNHH MTV Unigons Việt Nam	1.491.497.722	-	5.254.568.037	-
- Công ty Cổ phần Bao bì Hải Hà	15.977.143.164	-	24.588.505.938	-
- Sở Thông Tin & Truyền Thông Tỉnh Hậu Giang	-	-	10.572.188.389	-
- Phải thu khách hàng khác	36.937.891.342	(221.296.345)	35.709.819.019	(221.296.345)
	<u>63.056.707.173</u>	<u>(221.296.345)</u>	<u>84.794.313.581</u>	<u>(221.296.345)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova	8.284.718.612	-	8.284.718.612	-
- Công ty Cổ phần Novareal	2.612.265.248	-	2.612.265.248	-
- Joya International (HK) Co., Limited	2.530.113.300	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	3.756.554.304	-	3.817.670.140	-
	<u>17.183.651.464</u>	<u>-</u>	<u>14.714.654.000</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Ký cược, ký	92.616.436	-	36.637.436	-
- Phải thu khác	548.434.550	-	198.678.134	-
	<u>641.050.986</u>	<u>-</u>	<u>235.315.570</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	1.022.525.719	-	427.860.479	-
	<u>1.022.525.719</u>	<u>-</u>	<u>427.860.479</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

8 . NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	84.428.747	-	84.428.747	-
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Nhân Văn	35.345.200	-	35.345.200	-
- Nhà Sách Nguyễn Văn Cừ 1	19.426.500	-	19.426.500	-
- Đối tượng khác	82.095.898	-	82.095.898	-
	221.296.345	-	221.296.345	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	15.418.025.251	-	14.714.188.487	-
- Công cụ, dụng cụ	2.649.501.724	-	2.422.745.058	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.966.287.628	-	4.363.208.669	-
- Thành phẩm	20.853.528.667	-	29.280.869.423	-
- Hàng hoá	2.136.606.461	-	2.057.769.055	-
	46.023.949.731	-	52.838.780.692	-

10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.073.222.677	2.038.285.677
- Dự án thi công hệ thống PCCC của Hệ thống điện Năng lượng mặt trời	1.212.730.307	1.212.730.307
- Dự án thi công hệ thống PCCC tại 91B Phan Văn Hai	650.870.370	650.870.370
- Lót đậu xe tại Celadon vị trí (A5b) B2.242	209.622.000	174.685.000
Mua sắm tài sản cố định	96.696.000	96.696.000
- Chi phí thiết kế Phần mềm Fast Business	96.696.000	96.696.000
	2.169.918.677	2.134.981.677

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	47.433.157.840	153.945.290.186	15.508.986.609	6.738.054.442	458.611.171	224.084.100.248
- Mua trong kỳ	-	4.178.626.586	-	1.248.400.000	-	5.427.026.586
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.628.000.000)	-	-	-	(1.628.000.000)
Số dư cuối kỳ	47.433.157.840	156.495.916.772	15.508.986.609	7.986.454.442	458.611.171	227.883.126.834
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	41.791.814.836	101.610.623.447	12.380.435.851	6.611.724.529	267.887.041	162.662.485.704
- Khấu hao trong kỳ	4.234.735.938	4.274.712.224	412.060.091	305.964.215	8.485.979	9.235.958.447
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.555.777.774)	-	-	-	(1.555.777.774)
Số dư cuối kỳ	46.026.550.774	104.329.557.897	12.792.495.942	6.917.688.744	276.373.020	170.342.666.377
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	5.641.343.004	52.334.666.739	3.128.550.758	126.329.913	190.724.130	61.421.614.544
Tại ngày cuối kỳ	1.406.607.066	52.166.358.875	2.716.490.667	1.068.765.698	182.238.151	57.540.460.457

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 67.015.708.309 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	-	1.109.316.000	1.109.316.000
- Thuế tài chính	9.530.000.000	-	9.530.000.000
Số dư cuối kỳ	<u>9.530.000.000</u>	<u>1.109.316.000</u>	<u>10.639.316.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	979.895.800	979.895.800
- Trích khấu hao	317.666.666	110.931.600	428.598.266
Số dư cuối kỳ	<u>317.666.666</u>	<u>1.090.827.400</u>	<u>1.408.494.066</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	-	129.420.200	129.420.200
Tại ngày cuối kỳ	<u>9.212.333.334</u>	<u>18.488.600</u>	<u>9.230.821.934</u>

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	6.237.885.093	1.086.645.304	7.324.530.397
Số dư cuối kỳ	<u>6.237.885.093</u>	<u>1.086.645.304</u>	<u>7.324.530.397</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.876.150.542	750.095.304	3.626.245.846
- Khấu hao trong kỳ	74.705.208	38.100.000	112.805.208
Số dư cuối kỳ	<u>2.950.855.750</u>	<u>788.195.304</u>	<u>3.739.051.054</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	3.361.734.551	336.550.000	3.698.284.551
Tại ngày cuối kỳ	<u>3.287.029.343</u>	<u>298.450.000</u>	<u>3.585.479.343</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 705.645.304 VND.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê. Nguyên giá tại thời điểm 01/01/2025 và 30/06/2025 là 51.544.546.189 VND; hao mòn lũy kế tại thời điểm 01/01/2025 và 30/06/2025 lần lượt là 27.069.525.934 VND và 27.432.196.846 VND, khấu hao trong kỳ là 362.670.912 VND.

Bất động sản đầu tư nằm giữ chờ tăng giá của Công ty là căn hộ B3.10.05 tại Khu Diamond Brilliant thuộc dự án Celadon City có địa chỉ tại Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá tại thời điểm 30/06/2025 là 6.008.273.699 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động cho thuê bất động sản phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2025 được trình bày tại thuyết minh số 23 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và số tiền thuê dự kiến thu được trong tương lai của các hợp đồng cho thuê mặt bằng được trình bày tại thuyết minh số 22 - Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

 Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 p. Tây Thanh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	257.561.982	404.237.223
Bảo hiểm thân vỏ xe ô tô	28.802.451	32.395.151
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.007.006.763	1.092.983.877
	1.293.371.196	1.529.616.251
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	181.855.562	292.586.930
Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.434.515.773	7.108.249.470
Chi phí trả trước dài hạn khác	866.064.249	2.233.001.416
	18.482.435.584	9.633.837.816

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	ng	VND	ng
Bên khác		VND		VND
- CTCP Bao Bì Hải Hà	13.939.907.422	13.939.907.422	25.277.697.594	25.277.697.594
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Sơn Hà	19.578.780	19.578.780	9.478.358.948	9.478.358.948
- Shenzhen Gloshine Technology Co Ltd	11.894.091.912	11.894.091.912	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	26.377.676.166	26.377.676.166	25.636.953.276	25.636.953.276
	52.231.254.280	52.231.254.280	60.393.009.818	60.393.009.818

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bên khác		
- Công ty Công nghệ và Nghệ thuật Thị giác	-	437.074.653
- Công ty TNHH Cheil Việt Nam	-	567.094.500
- Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Việt Nam	416.700.000	432.630.000
- Công ty Cổ phần Anternation	968.541.000	-
- Đối tượng khác	2.575.030.366	2.295.330.686
	3.960.271.366	3.732.129.839
b) Dài hạn		
Bên khác		
- Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân	-	239.171.074
	-	239.171.074

CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN HÓA TÂN BÌNH

Lô B-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	36.369.896	1.138.797.850	7.386.299.068	8.138.044.381	74.083.754	424.766.395
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	265.380.364	265.380.364	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	120.514.082	461.061.364	374.003.258	646.437.109	43.518.440	111.631.871
Thuế Thu nhập cá nhân	-	588.236.012	727.900.996	1.141.861.976	-	174.275.032
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	21.620.048	21.620.048	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	53.713.091	43.835.956	-	9.877.135
	156.883.978	2.188.095.226	8.828.916.825	10.257.179.834	117.602.194	720.550.433

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	128.091.729	7.154.698
- Bảo hiểm xã hội	4.105.027	1.068.245
- Bảo hiểm y tế	(3.660)	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	(107.767)	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.317.182.872	7.290.182.872
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	60.386.030	60.386.030
- Quỹ phải trả người lao động	1.016.597.442	1.016.597.442
- Tiền thưởng Ban điều hành	420.915.454	420.915.454
- Bà Trần Thị Huệ (*)	7.258.300.000	21.286.300.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	264.775.473	143.675.240
	16.470.242.600	30.226.279.981
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	158.000.000
	-	158.000.000

(*) Khoản mượn tiền bà Trần Thị Huệ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 0%/năm.

V.1.00 = 6.7.12.11

TÂN BÌNH
V.1.00 = 6.7.12.11

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	29.947.108.092	29.947.108.092	62.266.836.615	53.166.952.904	39.046.991.803	39.046.991.803
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽¹⁾	29.947.108.092	29.947.108.092	62.266.836.615	53.166.952.904	39.046.991.803	39.046.991.803
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.773.699.614	1.773.699.614	1.429.500.000	317.616.160	2.885.583.454	2.885.583.454
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	214.080.000	214.080.000	-	214.080.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định ⁽²⁾	1.456.083.454	1.456.083.454	-	-	1.456.083.454	1.456.083.454
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả ⁽³⁾	103.536.160	103.536.160	1.429.500.000	103.536.160	1.429.500.000	1.429.500.000
	31.720.807.706	31.720.807.706	63.696.336.615	53.484.569.064	41.932.575.257	41.932.575.257
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	540.200.000	540.200.000	-	540.200.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định ⁽²⁾	1.456.083.454	1.456.083.454	-	-	1.456.083.454	1.456.083.454
- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Challenge ⁽³⁾	103.536.160	103.536.160	9.530.000.000	2.724.286.160	6.909.250.000	6.909.250.000
	2.099.819.614	2.099.819.614	9.530.000.000	3.264.486.160	8.365.333.454	8.365.333.454
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.773.699.614)	(1.773.699.614)	(1.429.500.000)	(317.616.160)	(2.885.583.454)	(2.885.583.454)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	326.120.000	326.120.000			5.479.750.000	5.479.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô H-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng vay vốn ngắn hạn của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình gồm 02 hợp đồng với điều khoản chi tiết như sau:
- (a) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 854/TBN-KDN/24NH ngày 29/08/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình, kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 814/TBN-KDN/21TD ngày 23 tháng 08 năm 2021 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 20.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 29/08/2025;
 - + Thời hạn cho vay: 06 tháng đối với từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 9.355.527.803 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (b) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 599/TBN-KDN/24NH ngày 25/06/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình, kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 1216/TBN-KDN/18TD ngày 15 tháng 10 năm 2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 43.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: đến hết ngày 25 tháng 06 năm 2025;
 - + Thời hạn cho vay: 06 tháng đối với từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 29.691.464.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Hợp đồng cấp tín dụng số EGD/22239 ngày 18 tháng 07 năm 2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay: 1.800.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Thanh toán khoản tiền đặt cọc dựa theo Văn bản thỏa thuận số VTV.4-19.06/2019/VBTT/NVH-VHTB;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 36 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.456.083.454 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 1.456.083.454 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay là căn hộ VTV.4 - 19.06 thuộc Khu nhà ở tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

- (3) Hợp đồng thuê tài chính số C250223902 ngày 10/04/2025, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Loại tài sản: Hệ thống màn hình Led;
 - + Tổng giá trị nợ gốc: 9.530.000.000 VND;
 - + Thời hạn thuê: 60 tháng;
 - + Lãi suất: 6,08%/năm;
 - + Số dư nợ gốc còn phải trả: 6.909.250.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 1.429.500.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

21 - VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	28.439.040.439	210.544.546.183
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(2.071.803.404)	(2.071.803.404)
Số dư cuối kỳ trước	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	26.367.237.035	218.472.742.779
Số dư đầu năm nay	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	22.777.210.021	214.882.715.765
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	2.103.230.770	2.103.230.770
Số dư cuối kỳ này	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	24.880.440.791	216.985.946.535

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	10.512.440.000	17,03	10.512.440.000	17,03
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	7.602.110.000	12,32	7.602.110.000	12,32
Ông Hoàng Văn Điều	5.820.000.000	9,43	5.820.000.000	9,43
Ông Hoàng Minh Anh Tú	5.605.950.000	9,08	5.605.950.000	9,08
Bà Lại Thị Hồng Diệp	3.558.630.000	5,77	3.558.630.000	5,77
Ông Hoàng Minh Anh Tài	-	-	2.821.000.000	4,57
Ông La Thế Nhân	2.955.500.000	4,79	2.955.500.000	4,79
Các cổ đông khác	21.312.460.000	34,53	18.491.460.000	29,96
Cổ phiếu quỹ	4.358.140.000	7,06	4.358.140.000	7,06
	61.725.230.000	100	61.725.230.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61.725.230.000	61.725.230.000
- Vốn góp đầu kỳ	61.725.230.000	61.725.230.000
- Vốn góp cuối kỳ	61.725.230.000	61.725.230.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	60.386.030	60.386.030
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	60.386.030	60.386.030

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.172.523	6.172.523
- Cổ phiếu phổ thông	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	435.814	435.814
- Cổ phiếu phổ thông	435.814	435.814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.736.709	5.736.709
- Cổ phiếu phổ thông	5.736.709	5.736.709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.243.857.861	2.243.857.861
	2.243.857.861	2.243.857.861

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2025, tổng số tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	7.843.979.727	15.415.096.277
	7.843.979.727	15.415.096.277

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

b) Tài sản thuê ngoài

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 284-286 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh	121,7 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
2	Số 654 Trường Chinh, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	85 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
3	Số 105A Âu Cơ, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	972 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
4	Số 203-205 Võ Thành Trang, phường Bảy Hiền, thành phố Hồ Chí Minh	317 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
5	Số 11 Trường Chinh, phường Bảy Hiền, thành phố Hồ Chí Minh	13,58 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
6	Số 09 Trường Chinh, phường Bảy Hiền, thành phố Hồ Chí Minh	16,68 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
7	Số 927/8 Cách mạng Tháng 8, phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh	300 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
8	Số 8 Đông Sơn, phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh	413 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
9	Lô II-3, KCN2, đường số 11, KCN Tân Bình, phường Tây Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	9.987 m ²	41 năm từ ngày 17/07/2006 đến 17/06/2047

c) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.429,86	2.529,11

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	50.555.545.582	57.845.501.041
Doanh thu bán thành phẩm	93.127.519.529	112.466.942.520
Doanh thu bán bất động sản	-	2.152.240.481
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê	8.131.287.907	7.518.860.391
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	44.483.486.298	17.463.423.482
	196.297.839.316	197.446.967.915
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	480.000	861.820

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	42.544.375	-
Hàng bán bị trả lại	7.695.000	70.971.900
Giảm giá hàng bán	1.097.500	111.583.413
	51.336.875	182.555.313

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	48.139.476.650	55.311.820.174
Giá vốn của thành phẩm đã bán	80.343.987.506	102.200.496.862
Giá vốn bán bất động sản	-	2.690.358.106
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê	5.672.540.130	5.615.923.587
Giá vốn của dịch vụ khác	35.107.381.573	12.836.355.115
	169.263.385.859	178.654.953.844
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	-	14.191.200

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.223.585.977	3.425.329.796
Cổ tức, lợi nhuận được chia	494.338.016	485.921.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.823.501	42.947.894
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	602.740
	1.719.747.494	3.954.802.030
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan	451.200.000	451.200.000
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)		

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.114.248.887	1.158.197.674
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	88.999.007	53.036.128
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	529.293.338	443.631.632
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.852.968	13.616.150
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	7.953.001	33.559.400
Chi phí tài chính khác	41.146.488	-
	1.784.493.689	1.702.040.984

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	179.939.664	-
Chi phí nhân công	4.103.715.960	4.112.243.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	402.295.454	84.628.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.522.206.872	2.085.360.993
Chi phí khác bằng tiền	3.930.547.457	2.500.821.230
	11.138.705.407	8.783.054.395

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	331.199.148	215.596.187
Chi phí nhân công	6.891.343.956	6.844.624.289
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.858.242.753	2.297.625.469
Thuế, phí, lệ phí	28.059.382	64.366.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.247.626.157	1.283.291.447
Chi phí khác bằng tiền	2.335.480.775	2.558.532.429
	13.691.952.171	13.264.036.164

30 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập khác	45.157.272	136.347.914
	45.157.272	136.347.914

31 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	30.530.306	-
Các khoản bị phạt	218.763.494	-
Chi phí khác	185.147.631	51.776.837
	434.441.431	51.776.837

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Ấu Lạc	225.766.966	-
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Truyền thông Ấu Lạc	-	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Phần Mềm Ấu Lạc	76.995.642	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	302.762.608	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	71.240.650	(247.808.470)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	340.547.282	872.600.706
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(646.437.109)	(1.014.130.355)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	68.113.431	(389.338.119)

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	101.428.572	121.714.286
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	101.428.572	121.714.286

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế	2.571.288.552	2.653.440.539
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.571.288.552	2.653.440.539

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(82.151.987)	1.159.826.217
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.285.714	20.285.714
	(61.866.273)	1.180.111.932

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	2.103.230.770	(2.071.803.404)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.103.230.770	(2.071.803.404)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.736.709	5.736.709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	367	(361)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.875.229.795	87.294.954.038
Chi phí nhân công	36.964.229.376	34.313.309.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.140.032.833	8.395.480.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.192.682.158	14.022.104.995
Chi phí khác bằng tiền	9.740.014.989	14.549.372.867
	182.912.189.151	158.575.222.390

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Đầu tư ngắn hạn	636.581.500	-	-	636.581.500
Đầu tư dài hạn	-	159.699.200	-	159.699.200
	<u>636.581.500</u>	<u>159.699.200</u>	<u>-</u>	<u>796.280.700</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư ngắn hạn	644.534.501	-	-	644.534.501
Đầu tư dài hạn	-	159.699.200	-	159.699.200
	<u>644.534.501</u>	<u>159.699.200</u>	<u>-</u>	<u>804.233.701</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.438.345.970	-	-	14.438.345.970
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.476.461.814	1.022.525.719	-	64.498.987.533
Các khoản cho vay	58.293.172.336	-	-	58.293.172.336
	<u>136.207.980.120</u>	<u>1.022.525.719</u>	<u>-</u>	<u>137.230.505.839</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.292.363.006	-	-	13.292.363.006
Phải thu khách hàng, phải thu khác	84.808.332.806	427.860.479	-	85.236.193.285
Các khoản cho vay	57.642.756.963	-	-	57.642.756.963
	<u>155.743.452.775</u>	<u>427.860.479</u>	<u>-</u>	<u>156.171.313.254</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	41.932.575.257	5.479.750.000	-	47.412.325.257
Phải trả người bán, phải trả khác	68.701.496.880	-	-	68.701.496.880
	110.634.072.137	5.479.750.000	-	116.113.822.137
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	31.720.807.706	326.120.000	-	32.046.927.706
Phải trả người bán, phải trả khác	90.619.289.799	158.000.000	-	90.777.289.799
	122.340.097.505	484.120.000	-	122.824.217.505

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

38. BẢO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất và thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	143.631.728.236	52.614.774.205	196.246.502.441
Chi phí bộ phận trực tiếp	128.483.464.156	40.779.921.703	169.263.385.859
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.148.264.080	11.834.852.502	26.983.116.582
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.383.252.625	4.078.710.961	5.461.963.586
Tài sản bộ phận trực tiếp	238.841.535.508	87.491.765.335	326.333.300.843
Tài sản không phân bổ			23.497.819.910
Tổng tài sản	238.841.535.508	87.491.765.335	349.831.120.753
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	100.307.708.530	31.837.096.913	132.144.805.443
Nợ phải trả không phân bổ			700.368.775
Tổng nợ phải trả	100.307.708.530	31.837.096.913	132.845.174.218

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Ấu Lạc	Công ty liên kết
Ông La Thế Nhân	Chủ tịch HĐQT
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Văn Điều	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên HĐQT
Ông Đoàn Thanh Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Anh Thuận	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Danh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Thái Thị Phượng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên Ban kiểm soát

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu	480.000	861.820
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Ấu Lạc	480.000	861.820
Doanh thu hoạt động tài chính	451.200.000	451.200.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Ấu Lạc	451.200.000	451.200.000
Mua hàng	-	14.191.200
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Ấu Lạc	-	14.191.200

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	948.151.478	541.424.258
Ông La Thế Nhân	5.000.000	-
Ông Hoàng Văn Điều	5.000.000	-
Bà Lại Thị Hồng Diệp	5.600.000	-
Ông Hoàng Minh Anh Tú	453.465.478	332.597.258
Ông Nguyễn Minh Tuấn	5.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Danh	227.934.000	-
Bà Thái Thị Phượng	119.806.000	112.691.000
Bà Quách Thị Mai Trang	111.346.000	96.136.000
Ông Trịnh Xuân Quang	5.000.000	-
Ông Đoàn Thanh Hải	5.000.000	-
Ông Nguyễn Anh Thuận	5.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
p. Tây Thạnh, tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

40 . SỞ LIỆU SO SÁNH

Sở liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

